

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN**  
**NĂM 2013**



## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

#### **+ Việc thành lập**

Mỏ Than Hà LẦM, nay là Công ty than Hà LẦM - VINACOMIN, nằm ở khu vực cách thị xã Hòn Gai (nay là Thành phố Hạ Long) 4km về phía đông. Theo tài liệu lịch sử, người Pháp tiến hành khai thác than tại khu vực Hà LẦM vào cuối thế kỷ thứ 19 (khoảng năm 1844) với công nghệ khai thác hoàn toàn bằng thủ công.

Mỏ Than Hà LẦM được thành lập từ ngày 01 tháng 08 năm 1960 dựa trên cơ sở sản xuất của khoáng sàng khu vực Hà LẦM, tách ra từ Xí nghiệp quốc doanh than Hòn Gai, tiếp quản từ thời Pháp để lại.

Năm 1993, Bộ Năng lượng có Quyết định số 402 NL/TCCBLĐ ngày 30/6/1993 về việc Mỏ Than Hà LẦM trực thuộc Công ty than Hòn Gai.

Đến năm 1997, Mỏ Than Hà LẦM được chuyển từ trực thuộc Công ty than Hòn Gai thành doanh nghiệp nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam theo Quyết định số 25-1997/QĐ-BCN ngày 29/12/1997 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01 tháng 10 năm 2001, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 405/QĐ-HĐQT, đổi tên Mỏ Than Hà LẦM - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành Công ty Than Hà LẦM - doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam có quyết định số 2454/QĐ-HĐQT đổi tên Công ty Than Hà LẦM thành Công ty Than Hà LẦM – TKV, doanh nghiệp Nhà nước thành viên, hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Suốt 50 năm gian khổ phấn đấu xây dựng và trưởng thành từ một vài công trường khai thác phân tán, thi công, đến nay Hà LẦM đã là một công ty có quy mô sản xuất lớn, công nghệ hiện đại. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên đông đảo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.

Công ty cổ phần Than Hà LẦM - VINACOMIN luôn tự hào về truyền thống, về trang sử hào hùng, vẻ vang của mình trong những năm tháng khó khăn, gian khổ cũng như trong bước đường



đi lên, tự hào về những danh hiệu cao quý mà Đảng và Quốc hội, Nhà nước trao tặng cho các thế hệ thợ mỏ Hà Lâm: Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương độc lập hạng nhì.

**+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần**

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 3672/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty Than Hà Lâm - TKV.

Theo quyết định số 2223/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Than Hà Lâm – TKV thành Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - TKV. Công ty Than Hà Lâm đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước, chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/02/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV”. Ngày 28 tháng 10 năm 2010 Công ty đã được Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất với tên gọi “Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – VINACOMIN”

**+ Niêm yết**

Ngày 16/2/2009, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận lưu ký số 04/2009/GCNLK\_TTLK, ngày 18/2/2009, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 51/QĐ-TTGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV. Ngày 5/3/2009, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – TKV chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC.

Ngày 14/7/2011, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-2 Đăng ký thay đổi lần thứ 2. Ngày 22/7/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 351/QĐ-SGDHN về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 18/8/2011, số cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC. Tăng vốn điều lệ từ 93 000 000 000đ lên 119 556 750 000đ.

Ngày 21/01/2014, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2009/GCNCP-VSD-3 Đăng ký thay đổi lần thứ 3. Ngày 21/01/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 38/QĐ-SGDHN ngày 25/01/2014, về việc chấp nhận đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin. Theo quyết định trên ngày 24/02/2014, số 11.250.946 cổ phiếu bổ sung của Công ty Cổ phần Than



Hà Lâm - Vinacomin chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HLC. Tăng vốn điều lệ từ 19.556.750.000 đồng lên 232.066.210.000 đồng.

## **2. Quá trình phát triển**

### ***Ngành nghề kinh doanh***

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22 03 001252 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, tiêu thụ than và các khoáng sản khác;
- Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
- Vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Quản lý, khai thác cảng lẻ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, du lịch lữ hành trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101637 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2013 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)



### **3. Định hướng phát triển**

#### **+ Tầm nhìn và quan điểm phát triển**

Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - VINACOMIN hướng đến việc tạo ra giá trị cho tất cả các bên liên quan (bao gồm cổ đông sở hữu, người lao động, nhà nước, khách hàng, người dân xung quanh vùng khai thác, các bên có liên quan khác...) theo một phương thức có trách nhiệm và đóng góp thiết thực vào bối cảnh xã hội và môi trường nơi Công ty hoạt động. Để đạt được điều đó, Công ty sẽ tận dụng toàn bộ các ưu thế tiềm năng sẵn có, theo đuổi một chính sách phát triển bền vững và đa dạng trong mọi khía cạnh hoạt động của Công ty.

#### **+ Định hướng phát triển**

##### Phương hướng và mục tiêu:

Trong những năm tới, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

##### Sản xuất kinh doanh than:

- Tiếp tục tổ chức khai thác phần tài nguyên còn lại, duy trì khai thác ổn định. Công ty đẩy mạnh đào lò mở vỉa xuống mức -300 thuộc dự án khai thác dưới -50 theo quyết định số 2095/QĐ-HĐQT ngày 05/9/2007 của HĐQT Tập đoàn, nay đã được điều chỉnh theo QĐ số 67QĐ-HĐQT ngày 21/10/2013.
- Năm 2014, công ty tập trung thi công các hạng mục đường lò XD CB mức -300.
- Trên cơ sở các điều kiện thực tế với công nghệ thi công hiện đại, dự kiến năm 2016 đến quý 3 lò chợ 7-2 sẽ hình thành.
- Khai thác lộ vỉa: Công ty tiếp tục tiến hành khai thác tại khu II vỉa 11 theo thiết kế đã được duyệt. Khi điều kiện cho phép sẽ tiến hành mở rộng khai thác tối đa tài nguyên còn lại trong khu vực kể cả phần hầm lò đã khai thác.

+ **Mục tiêu kế hoạch Công ty đặt ra:** Duy trì sản lượng than khai thác an toàn, tăng trưởng ổn định trên cơ sở đầu tư nâng cấp các hệ thống sàng tuyển, nâng cấp chất lượng than để nâng cao giá trị sản xuất.

##### Trang thiết bị khai thác

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác hầm lò, bốc xúc, vận chuyển tiên tiến, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty, nhằm giảm chi phí tiêu hao vật tư - dầu mỡ, giảm hao phí lao động/lấn than sản xuất.

##### Môi trường:



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Tập trung xử lý vấn đề môi trường, công nghệ khai thác mỏ như: đổ bãi thải thấp, trồng cây tạo các thảm thực vật phủ bề mặt bãi thải đã kết thúc đổ thải, xử lý nước thải trong quá trình khai thác.

### Đào tạo:

Đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu vận hành - sửa chữa các thiết bị công nghệ cao.

### Sản xuất kinh doanh khác:

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:

#### *- Kết quả sản xuất kinh doanh:*

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.517.054.414.106	1.858.182.213.903
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DVụ	1.517.054.414.106	1.858.182.213.903
3	Giá vốn hàng bán	1.268.147.412.474	1.516.239.601.424
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DVụ	248.907.001.632	341.942.612.479
5	Doanh thu hoạt động tài chính	387.347.573	763.347.812
6	Chi phí tài chính	67.624.248.094	132.021.600.654
7	Chi phí bán hàng	58.065.351.637	48.916.239.129
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.121.321.565	126.412.887.827
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.483.427.909	35.355.232.681
10	Thu nhập khác	8.590.037.078	9.282.676.715
11	Chi phí khác	6.381.365.712	5.074.836.699
12	Lợi nhuận khác	2.208.671.366	4.207.840.016



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.692.099.275	39.563.072.697
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.921.467.800	10.977.439.422
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.770.631.475	28.585.633.275
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.737	2.154
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.000	800

### 2. Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2013

+ Bảng tài sản:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>180.678.819.337</b>	<b>329.095.482.125</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	429.801.035	655.514.470
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	42.942.180.667	182.918.260.882
4	Hàng tồn kho	125.069.109.681	125.742.945.354
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.237.727.954	19.778.761.419
	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.370.687.893.674</b>	<b>1.851.165.843.863</b>
7	Tài sản cố định	1.358.634.868.284	1.731.806.819.473
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
10	Tài sản dài hạn khác	12.053.025.390	111.939.030.010
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.551.366.713.011</b>	<b>2.180.261.325.988</b>

- Bảng nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.398.983.422.478</b>	<b>1.931.274.010.865</b>



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

1	Nợ ngắn hạn	600.528.079.674	791.618.087.261
2	Nợ dài hạn	798.455.342.804	1.139.655.923.604
	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>152.383.290.533</b>	<b>248.987.315.123</b>
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	119.556.750.000	232.066.210.000
2	Vốn khác của Chủ sở hữu	3.616.463.459	3.616.463.459
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
4	Quỹ đầu tư phát triển	20.588.149.094	4.682.713.684
5	Quỹ dự phòng tài chính	8.621.927.980	8.621.927.980
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.551.366.713.011</b>	<b>2.180.261.325.988</b>

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2013:

- Những khoản đầu tư lớn:
- + Đầu tư dự án khai thác phần dưới -50
- Thay đổi chiến lược kinh doanh:.....
- Sản phẩm và thị trường mới:.....

### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Thị trường dự tính:
- Mục tiêu:

## III. Báo cáo của Ban giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	<b>%</b>		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		11,65	15.09
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		88,35	84.91
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	<b>%</b>		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		90,17	88.58
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		9,83	11.42
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	<b>Lần</b>		
	Khả năng thanh toán hiện hành		0,3	1.13
	Khả năng thanh toán dài hạn		1,72	1.62
	Khả năng thanh toán nhanh		0,07	0.42
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	<b>%</b>		
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1,37	1.54
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		13,6	11.48
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		1,43	1.31

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh  
- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh  
phí và các quỹ khác 235.682.673.459đ

Giá sổ sách cổ phiếu = ----- = ----- = 10.156đ/cp

Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ 11.955.675cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông:

TT	Tên đơn vị góp vốn	Số tiền(VNĐ)			Tỷ lệ nắm giữ(%)		Tỷ lệ (%)năm giữ theo điều lệ
		Đầu kỳ	Cuối kỳ	Chênh lệch	Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1	Vinacomin	68.697.680000	172.202.180.000	103.504.500.000	57.46	74.2	74.2
2	Các thể nhân	50.859.070.000	59.864.030.000	9.004.960.000	42.54	25.8	25.8
	Tổng	119.556.750.000	232.066.210.000	112.509.460.000	100	100	100

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu thường: 23.206.621 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Cổ phiếu thường: 23.206.210 cổ phần

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: 08%

### **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Phân tích tổng quan về hoạt động SXKD của công ty so với kế hoạch/dự tính



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch điều chỉnh năm 2013	Thực hiện năm 2013	So với kế hoạch năm (%)
<b>- Than sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.600.000</b>	<b>1.602.803</b>	<b>100,18</b>
+ <i>Hầm lò</i>	Tấn	1.200.000	1.200.558	100,5
+ <i>Lộ thiên</i>	Tấn	400.000	402.245	100,56
<b>- Đào lò</b>	<b>Mét</b>	<b>16.250</b>	<b>16.343</b>	<b>100,57</b>
+ <i>Mét lò CBSX</i>	Mét	12.210	12.194	99,87
+ <i>Mét lò XDCB</i>	Mét	4.040	4.149	102,69
<b>- Bốc xúc đất đá</b>	<b>M3</b>	<b>3.850.000</b>	<b>4.001.835</b>	<b>103,94</b>
- Tiêu thụ	Tấn	1.570.000	1.461.788	93,11
- Doanh thu	Tr.đ	1.435.000	1.563.132	108,93
- Lợi nhuận	Tr.đ	34.428	39.563	114,92
- Thu nhập BQ	đồng	9.327	9.113	97,71

### 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Thực hiện Công văn số 4249/VINACOMIN-TCCB ngày 16/8/2012 của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt nam V/v bố trí Phó giám đốc và cơ cấu lại các phòng ban tham mưu các đơn vị sản xuất, phù trợ, phục vụ trong năm 2012-2013. Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất năm 2012-2013 và áp dụng từ ngày 01/4/2013 như sau: Các phòng ban trong công ty sáp nhập từ 25 phòng ban xuống còn 18 phòng ban; Công trường phân xưởng từ 31 đơn vị xuống còn 28 đơn vị.

Công ty xây dựng các chiến lược về quản trị doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới, bao gồm 05 tổ chiến lược như sau: Tổ chiến lược về tài chính, Tổ chiến lược về quản trị nhân sự, tổ chiến lược về quản trị chi phí, tổ chiến lược về quản trị rủi ro và tổ chiến lược về quản trị môi trường.

Công tác tiết kiệm chi phí sản xuất được quan tâm chỉ đạo thường xuyên hàng năm. Năm 2013, triển khai công tác điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh theo hợp đồng với Tổng Giám đốc Vinacomin, thực hiện theo chỉ thị số 06/CT- Vinacomin ngày 09/1/2013 của Tổng giám đốc Vinacomin. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành kế hoạch SXKD năm, bao gồm các nhóm giải pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại Quyết định số 299/QĐ-HLC ngày 15/01/2013; Cụ thể hóa thành phương án tiết kiệm, tiết giảm chi phí bằng việc ban hành



**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

**IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

***Kiểm toán độc lập***

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam - Chi nhánh tại Hà nội.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Lầm – VINACOMIN tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**VI. Các công ty có liên quan**

- Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 74.2% vốn điều lệ của Công ty.

**VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

Tổng số cán bộ công nhân viên bình quân của Công ty năm 2013: là 4.198 người.

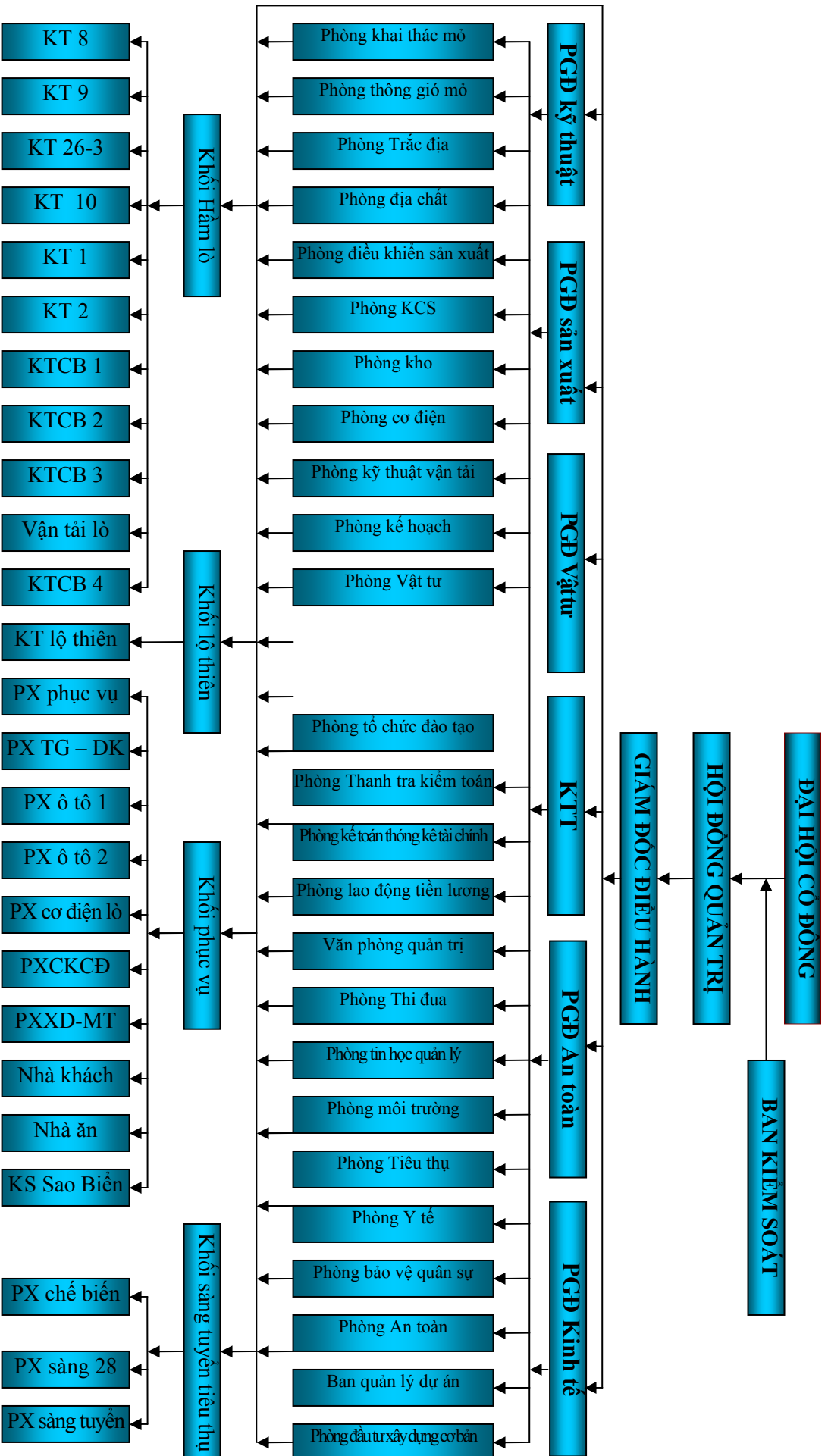
Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện theo đúng các quy định của Luật lao động.

Tiền lương bình quân trong năm 2013 là: 9.220đồng/người/tháng.

Bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty được thể hiện như dưới sơ đồ:



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**





### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCD có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Hội đồng quản trị**

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCD. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCD;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCD;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCD bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm, BKS thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:



- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

### **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm Giám đốc điều hành, Phó giám đốc Kỹ thuật, Phó giám đốc vật tư, Phó giám đốc sản xuất, PGĐ an toàn, PGĐ kinh tế, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

**Các phòng quản lý:** Quản lý từng lĩnh vực chuyên môn, các phòng quản lý bao gồm các phòng khối kỹ thuật và khối nghiệp vụ.

**Khối kỹ thuật:** Quản lý lĩnh vực kỹ thuật theo từng phần: lập, kiểm tra, giám sát thực hiện các biện pháp kỹ thuật, thi công, nghiệm thu thực hiện.

**Khối nghiệp vụ:** có nhiệm vụ quản lý về nghiệp vụ, chuyên môn theo từng chuyên ngành.

**Khối điều hành sản xuất:** Điều hành sản xuất hàng ngày, tổ chức nghiệm thu số lượng và chất lượng than sản xuất, tiêu thụ, bảo vệ tài sản của Công ty và cấp phát vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất.



**Khối Hành chính:** Phụ trách thi đua khen thưởng, văn hóa thể thao, công tác xã hội, theo dõi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Cán bộ công nhân viên.

### **VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

+ HĐQT: 4/5 không điều hành

+ Ban kiểm soát: 2/2 không điều hành

- Hoạt động của HĐQT:

+ Họp thường kỳ

+ Họp bất thường:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành thực hiện các công việc

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

+ Ban lương thưởng:

+ Ban đầu tư:

+ Ban nhân sự:

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.





**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

**2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

**2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÀM-VINACOMIN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**(Đã ký)**

**Doãn Văn Quang**